

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Như Học;

Bà Huỳnh Ngọc Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tô Thị U, sinh năm 1978 (xin vắng).

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Lê Chí T, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 5 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tô Thị U trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị U và anh Lê Chí T có tìm hiểu được khoảng 06 tháng thì đi đến hôn nhân từ năm 1997, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N. Cuộc sống hôn nhân ban đầu hạnh phúc cho đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T có quan hệ bất chính với

người phụ nữ khác, anh T và người phụ nữ khác sinh sống như vợ chồng, không quan tâm gì đến chị U, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Khi ly thân cũng không còn qua lại, gia đình 02 bên cũng không hàn gắn cho vợ chồng. Vợ chồng ly thân nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị U yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Chí Th (nam), sinh năm 1997 và Lê Phương Ch (nữ), sinh năm 2001, hiện tại đang sống với chị U. Khi ly hôn chị U không yêu cầu giải quyết việc nuôi con.

- Về tài sản và nợ thu nợ trả: Không yêu cầu giải quyết.

* *Về bị đơn anh Lê Chí T*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định anh T không có văn bản trả lời về vụ án. Tòa án tổng đạt thông báo phiên họp và hòa giải 02 lần anh T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn chị Tô Thị U có đơn xin xét xử vắng mặt yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

- Bị đơn anh Lê Chí T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt không lý do, áp dụng vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt anh T.

[2]. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị Tô Thị U và anh Lê Chí T có thời gian tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N ngày 10 tháng 6 năm 2008, theo giấy chứng nhận kết hôn số 55 quyển số 01/2008, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa hai đương sự được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống với nhau anh chị có những bất hòa không tự hàn gắn được, theo trình bày của chị U thì anh T không chung thủy một vợ một chồng mà có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và đang sinh sống như vợ chồng, không quan tâm gì đến gia đình vợ con, anh chị sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Thời gian dài sống ly thân anh chị cũng không có biện pháp hàn gắn hôn nhân, chị U xác định hết tình cảm nên xin được ly hôn với anh T; Anh

T vắng mặt và cũng không có ý kiến. Xét thấy, vợ chồng chung sống phải quan tâm lẫn nhau, cùng nhau gánh vát việc gia đình, nhưng giữa anh chị sống riêng, ai lo thân người đó, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặt khác, Tòa án triệu tập hòa giải hai lần và triệu tập xét xử hai lần nhưng anh T không một lần đến, cho thấy anh T không có thiện chí trong việc hòa giải hàn gắn hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tô Thị U; chị U được ly hôn với anh T.

- Về con chung, tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch chị U phải chịu, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tô Thị U, chị U được ly hôn với anh Lê Chí T.

- Về con chung, chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Chị U phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016381 ngày 25/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính